

Số: /KH-SNN

Bắc Giang, ngày tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện duy trì, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố (DDCI) năm 2024 và các năm tiếp theo

Căn cứ Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt và công bố xếp hạng Năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố (DDCI) tỉnh Bắc Giang năm 2023 và Báo cáo năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và các địa phương (DDCI) năm 2023, Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế và thực hiện nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố (DDCI) năm 2024, cụ thể như sau:

I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ XẾP HẠNG NĂM 2023; NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Kết quả xếp hạng

Theo kết quả xếp hạng Năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố (DDCI) năm 2023, Sở Nông nghiệp và PTNT xếp thứ 02/20 sở, ban, ngành ở tỉnh, với tổng 82,17 điểm, tăng 2,49 điểm so với năm 2022 và vẫn giữ nguyên vị trí thứ 2 trên bảng xếp hạng, nằm trong nhóm **rất tốt**; có điểm số cao hơn so với điểm trung vị là 21,37 điểm (*điểm trung vị 60,8*) và thấp hơn điểm của đơn vị xếp đầu là Sở Kế hoạch và Đầu tư 7,09 điểm (*xếp thứ nhất là 89,26 điểm*).

Với kết quả trên, chúng tôi các doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh (*sau đây gọi chung là doanh nghiệp*) đã đánh giá cao việc điều hành của Sở Nông nghiệp và PTNT, thể hiện sự hài lòng, tin tưởng và ủng hộ mạnh mẽ của cộng đồng doanh nghiệp đối với lãnh đạo Sở. Trong 08 chỉ số thành phần, có 04 chỉ số thành phần tăng điểm so với năm 2022¹ và 04 chỉ số thành phần giảm điểm so với năm 2022², cụ thể từng chỉ số thành phần như sau:

1.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

Điểm số thành phần “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” là 8,84 điểm, đứng thứ 2 trên bảng xếp hạng, tăng 1,6 điểm và giữ nguyên hạng 2 trên bảng xếp hạng so với năm 2022.

¹ Bao gồm: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; hỗ trợ doanh nghiệp; tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động; vai trò người đứng đầu sở, ban, ngành.

² Bao gồm: Chi phí không chính thức; chi phí thời gian; cạnh tranh bình đẳng; thiết chế pháp lý.

Doanh nghiệp đánh giá việc thực hiện công khai, minh bạch các quy hoạch, kế hoạch, định hướng phát triển, cơ chế, chính sách, đề án và các văn bản pháp lý của ngành đã được thực hiện tốt. Các doanh nghiệp tìm hiểu và tiếp cận được các thông tin về quy hoạch, kế hoạch, định hướng phát triển, cơ chế, chính sách, đề án và các văn bản pháp lý được dễ dàng, công khai, minh bạch hơn.

1.2. Chi phí không chính thức

Điểm số thành phần “Chi phí không chính thức” là 6,88 điểm, đứng thứ 5 trên bảng xếp hạng, giảm 2,4 điểm và giảm 3 bậc so với năm 2022.

Doanh nghiệp phản ánh vẫn còn xảy ra hiện tượng tiêu cực trong thực thi công vụ; các doanh nghiệp phải bỏ ra các khoản chi không chính thức ngoài quy định để chi trả cho cán bộ, công chức, viên chức để giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) và hiện tượng này có chiều hướng tăng so với năm 2022. Đây là chỉ số thành phần có điểm số thấp nhất.

1.3. Chi phí thời gian

Điểm số thành phần “Chi phí thời gian” là 7,55 điểm, đứng thứ 4 trên bảng xếp hạng, giảm 1,3 điểm và giảm 1 bậc so với năm 2022.

Phản ánh thời gian doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các TTHC, cũng như thời gian mà doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để Thanh tra Sở và các đơn vị thuộc Sở (*sau đây gọi chung là Sở*) thực hiện việc thanh tra, kiểm tra có tăng hơn so với năm 2022.

1.4. Cạnh tranh bình đẳng

Điểm số thành phần “Cạnh tranh bình đẳng” là 7,03 điểm, đứng thứ 2 trên bảng xếp hạng, giảm 1,4 điểm và giảm 1 bậc so với năm 2022.

Phản ánh môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp khi thực hiện các TTHC, tiếp cận thông tin, nguồn lực hỗ trợ từ các cơ chế chính sách, đề án, dự án do Sở thực hiện có giảm nhẹ so với năm 2022. Tuy nhiên, điểm số và thứ hạng vẫn được xếp khá cao, đứng thứ 2 nhóm các sở, ban, ngành tỉnh.

1.5. Hỗ trợ doanh nghiệp

Điểm số thành phần “Cạnh tranh bình đẳng” là 7,91 điểm, đứng thứ 3 trên bảng xếp hạng, tăng 0,6 điểm và tăng 1 bậc so với năm 2022.

Công tác hỗ trợ doanh nghiệp của Sở trong việc thực hiện các TTHC liên quan đến đầu tư, kinh doanh, thực thi các cơ chế chính sách, chương trình, đề án và các dịch vụ hỗ trợ khác dành cho doanh nghiệp đã cải thiện và được đánh giá cao; Các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận được các chương trình, đề án, cơ chế chính sách hỗ trợ của Sở qua nhiều kênh thông tin; doanh nghiệp hài lòng hơn so với năm 2022.

1.6. Thiết chế pháp lý

Điểm số thành phần “Thiết chế pháp lý” là 8,06 điểm, đứng thứ 3 trên bảng xếp hạng, giảm 0,2 điểm và giảm 1 bậc so với năm 2022.

Doanh nghiệp vẫn đánh giá cao việc quản lý nhà nước, hiệu quả của công tác giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của Sở, các ý kiến được tiếp nhận qua nhiều kênh thông tin và giải quyết kịp thời, hiệu quả. Tuy nhiên, sự hài lòng của doanh nghiệp đối với chỉ số này có giảm nhẹ so với năm 2022.

1.7. Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động

Điểm số thành phần “Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động” là 9,46 điểm, đứng thứ 2 trên bảng xếp hạng, tăng 0,7 điểm và tăng 9 bậc so với năm 2022.

Doanh nghiệp đánh giá năng lực, trình độ chuyên môn, việc xử lý, giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã được làm rất tốt, xử lý kịp thời và hiệu quả. Đây là chỉ số thành phần có thứ hạng tăng cao nhất trong năm 2023 (tăng 7 bậc).

1.8. Vai trò người đứng đầu sở, ban, ngành

Điểm số thành phần “Vai trò người đứng đầu sở, ban, ngành” là 9,33 điểm, đứng thứ 2 trên bảng xếp hạng, tăng 2,4 điểm và tăng 3 bậc so với năm 2022.

Điểm số tăng mạnh so với năm 2022, phản ánh doanh nghiệp đánh giá cao vai trò của người đứng đầu trong việc điều hành, chỉ đạo và thực thi công vụ; ủng hộ mạnh mẽ và tin tưởng vào vai trò của lãnh đạo Sở.

2. Đánh giá chung

2.1. Ưu điểm

Năm 2023, Sở Nông nghiệp & PTNT tiếp tục duy trì thứ hạng xếp thứ 02 trong bảng xếp hạng, về điểm số có tăng nhẹ (*tăng 2,49 điểm so với năm 2022*); tất cả các Chỉ số thành phần đều nằm trong nhóm tốt và rất tốt. Trong đó, các chỉ số thành phần “*Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động*” và “*Vai trò người đứng đầu sở, ban, ngành*” có điểm số trên **9 điểm**, tăng mạnh cả về điểm và thứ hạng.

Qua đó cho thấy các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở đã thực hiện rất tốt Kế hoạch số 38/KH-SNN ngày 26/4/2023 của Sở Thực hiện nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành (DDCI) năm 2023.

2.2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm, kết quả đạt được như trên, vẫn còn hiện tượng cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ đối với doanh nghiệp có tư duy “*cho phép*”, “*cấp phép*” chưa thực sự đồng hành, hỗ trợ và “*phục vụ*” doanh nghiệp. Bên cạnh đó, vẫn xảy ra hiện tượng tiêu cực trong thực thi công vụ; các doanh nghiệp vẫn phải bỏ ra các khoản chi phí không chính thức ngoài quy định để chi trả cho cán

bộ, công chức, viên chức khi giải quyết TTHC; thời gian doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các TTHC, cũng như thời gian mà doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để phục vụ các đoàn thanh tra, kiểm tra có tăng hơn so với năm 2022.

Có 04 chỉ số thành phần giảm điểm so với năm 2022, bao gồm: Chi phí không chính thức; chi phí thời gian; cạnh tranh bình đẳng; thiết chế pháp lý.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Sở Nông nghiệp và PTNT là sở đa ngành, đa lĩnh vực, địa bàn hoạt động rộng trên địa bàn toàn tỉnh; quản lý nhiều lĩnh vực có nhiều đối tượng tham gia thực hiện TTHC và có mối liên hệ với Sở; các đối tượng này chủ yếu là các doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ kinh doanh nhỏ hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp do vậy năng lực, nhận thức của các đối tượng này còn có phần hạn chế.

Sở Nông nghiệp và PTNT có nhiều phòng, ban, đơn vị trực thuộc thực hiện các TTHC, do vậy việc quản lý, đánh giá, xác định rõ đơn vị, cá nhân yếu kém trong việc nâng cao Chỉ số DDCI là khó khăn.

Một số ít cán bộ, công chức vẫn chưa thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương khi thi hành công vụ; có ý thức, kỷ luật, thái độ phục vụ, đồng hành cùng doanh nghiệp trong khi thực thi hành công vụ chưa cao.

II. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHỈ SỐ DDCI NĂM 2024

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

Phân tích, đánh giá các chỉ số thành phần, làm rõ những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; xây dựng kế hoạch chi tiết, đề ra mục tiêu và các giải pháp cụ thể để khắc phục tồn tại, hạn chế, nâng cao Chỉ số DDCI năm 2024 và các năm tiếp theo. Phân đầu tiếp thụ giữ vững và duy trì thứ hạng, nằm trong top 3 sở, ban, ngành tỉnh đứng đầu về Chỉ số DDCI năm 2024

Tạo động lực để chủ động, tích cực trong cải cách TTHC nhằm nâng cao chất lượng giải quyết TTHC liên quan đến nhà đầu tư, doanh nghiệp; tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Tạo thêm kênh thông tin phản hồi rộng rãi, minh bạch và tin cậy để nhà đầu tư, doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến xây dựng đối với Sở. Từ đó, cải thiện chất lượng phục vụ dịch vụ hành chính công và nâng cao chất lượng hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, đồng hành cùng doanh nghiệp.

1.2. Yêu cầu

Quán triệt tư tưởng, nhận thức để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành về thái độ, trách nhiệm, tác phong thực thi công vụ. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp thân thiện, trách nhiệm.

Từng cá nhân, các phòng, ban, đơn vị HCSN trực thuộc, cần phát huy ý thức trách nhiệm trong việc triển khai, thực hiện nghiêm túc và hiệu quả từng chỉ tiêu đánh giá; không để xảy ra và xử lý nghiêm hiện tượng những nhiều trong thực thi công vụ, bảo đảm doanh nghiệp và người dân không phải trả bất kỳ chi phí không chính thức nào.

Xác định rõ việc cải thiện chỉ số thành phần và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và huyện, thành phố (DDCI) là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở và gắn trách nhiệm của Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị với kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Các nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể, rõ ràng, thiết thực và phù hợp với thực tiễn, sáng tạo, đổi mới, tạo ra những thay đổi nhằm duy trì và nâng hạng điểm số các chỉ số thành phần DDCI năm 2024 và các năm tiếp theo; phân công rõ nhiệm vụ cho từng phòng, ban, đơn vị, từng bộ phận, từng cá nhân trong việc triển khai thực hiện.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

Tiếp tục thực hiện việc công khai rộng rãi, bằng nhiều hình thức, như: gửi văn bản, đăng trên các Website của Sở và của các đơn vị thuộc Sở, đăng trên mạng xã hội (Page facebook, Zalo, Tiktok) 100% các quy hoạch, kế hoạch, định hướng phát triển, các cơ chế chính sách, đề án hỗ trợ và các văn bản pháp lý mang tính chất công khai của Sở.

Rà soát, công khai, niêm yết khoa học, ngắn gọn, dễ hiểu giúp người dân dễ dàng tìm kiếm và thực hiện.

2.2. Chi phí không chính thức

Các TTHC, các cơ chế chính sách, đề án hỗ trợ cần được công khai minh bạch, dễ tiếp cận, khoa học, dễ hiểu để người dân dễ dàng tiếp cận, dễ thực hiện, tránh tiêu cực.

Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng và nâng cao ý thức, kỷ luật, kỷ cương đối với đội ngũ cán bộ, công chức giải quyết TTHC; xử lý nghiêm và thực hiện luân chuyển các cán bộ, công chức có thái độ, hành vi gây khó khăn, sách nhiễu, tiêu cực khi thực hiện giải quyết TTHC, cũng như các nhiệm vụ liên quan đến doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Chấm dứt tình trạng công chức giải quyết TTHC trực tiếp nhận hồ sơ, tiếp xúc doanh nghiệp và xử lý, hoàn thiện hồ sơ trước khi đưa vào nộp tại một cửa.

2.3. Chi phí thời gian

Tiếp tục xem xét, cắt giảm các cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với doanh nghiệp và nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra để tránh gây cản trở đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

Rà soát cắt giảm tối đa thời gian giải quyết TTHC và hướng dẫn cụ thể, rõ ràng, mẫu hóa các hồ sơ, TTHC để người dân, doanh nghiệp dễ thực hiện.

2.4. Cạnh tranh bình đẳng

Công khai rộng rãi, minh bạch các nguồn lực tài chính, các cơ chế chính sách, đề án, dự án hỗ trợ, các gói thầu thuộc Sở làm chủ đầu tư (*bao gồm các đơn vị thuộc Sở*) trên trang Website và Page facebook của Sở từ kế hoạch cho đến triển khai thực hiện (*đối với các gói thầu công khai từ thư mời chào giá, đến kế hoạch đấu thầu, ...*).

Việc lựa chọn doanh nghiệp tham gia thực hiện các cơ chế chính sách, đề án, dự án phải đảm bảo khách quan, công bằng, đúng đối tượng, không ưu ái, phân biệt đối với các đối tượng tham gia.

2.5. Hỗ trợ doanh nghiệp

Lãnh đạo Sở tăng cường đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp; tổ chức các hội nghị đối thoại để tháo gỡ, giải quyết kịp thời, dứt điểm các tồn đọng, khó khăn, vướng mắc, bức xúc của các doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành. Dự kiến trong năm tổ chức ít nhất được 02 cuộc tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp, trong đó 06 tháng đầu năm 01 cuộc và 06 tháng cuối năm 01 cuộc.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các chương trình, đề án, cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các văn bản hướng dẫn của liên ngành, của Sở đến với các doanh nghiệp bằng nhiều hình thức (*gửi văn bản, Website, Page facebook*) để dễ dàng tiếp cận, thực hiện.

Khi có đề xuất, kiến nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, các phòng, ban, đơn vị được giao nhiệm vụ cần khẩn trương nghiên cứu, xem xét, phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết kịp thời, thấu đáo trong thời hạn không quá 3 ngày làm việc; đối với những nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều đơn vị khác thì được phép kéo dài hơn, nhưng không quá 10 ngày làm việc.

Thực hiện khảo sát các tổ chức, cá nhân có TTHC tại Sở trong khoảng thời gian từ tháng 1/7/2023 đến tháng 7/2024 (*thực hiện khảo sát bằng phiếu hoặc nhóm Zalo, điện thoại, ...*).

2.6. Thiết chế pháp lý

Công khai rộng rãi đường dây nóng của Sở, đa dạng các kênh để doanh nghiệp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại (*Zalo, Page Facebook, mục hỏi đáp, ...*) và nâng cao hiệu quả công tác giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại.

Tăng cường đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Sở và các doanh nghiệp có TTHC và tham gia các chương trình, đề án, cơ chế chính sách của Sở, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc.

2.7. Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động

Tăng cường đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp, chủ động nắm bắt và xử lý kịp thời những bất cập, khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn của mình (*thấy doanh nghiệp có vướng mắc, khó khăn đã chủ động tháo gỡ, không chờ*

doanh nghiệp kiến nghị, phản ánh). Tiếp tục duy trì hiệu quả tổ hỗ trợ doanh nghiệp, tình nguyện sẵn sàng tư vấn, giúp doanh nghiệp thực hiện các TTHC.

Cán bộ, công chức giải quyết TTHC, tiếp xúc và làm việc với doanh nghiệp phải tích cực nghiên cứu, học tập, tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, nắm chắc các chế độ, chính sách của Trung ương, của Tỉnh để giải quyết các TTHC, chế độ chính sách liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách thấu đáo, linh hoạt, sáng tạo, đúng quy định; có thái độ làm việc chuyên nghiệp, không những nhiều, tiêu cực; nghiêm cấm hành vi gây khó khăn, yêu cầu doanh nghiệp phải chi trả các khoản chi phí ngoài quy định.

2.8. Vai trò người đứng đầu sở, ban, ngành

Đề cao vai trò, trách nhiệm của Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trong việc nâng cao chỉ số DDCI; quan tâm và chủ động trong việc hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ và giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý.

Tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, công chức phải có thái độ phục vụ, đồng hành cùng doanh nghiệp trong khi thực thi hành công vụ.

(Chi tiết theo bảng phân công thực hiện nhiệm vụ nâng cao chỉ số DDCI năm 2024 đính kèm)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, ban, đơn vị có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị mình để tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; Định kỳ trước ngày 5/6 và trước ngày 5/12 báo cáo kết quả thực hiện về Sở để tổng hợp báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND tỉnh theo quy định.

2. Giao Phòng Kế hoạch-Tài chính có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp báo cáo kết quả tổ chức thực hiện Kế hoạch này của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu thấy cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch này đề nghị Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở chủ động đề xuất với Giám đốc Sở (*thông qua phòng Kế hoạch - Tài chính*) xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch Nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành DDCI) năm 2024 và các năm tiếp theo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Các đơn vị HCSN trực thuộc Sở;
- Các Phòng, ban, thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thi

BẢNG PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NÂNG CAO CHỈ SỐ DDCI NĂM 2024*(Kèm theo Kế hoạch số...../KH-SNN ngày/01/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	SẢN PHẨM	GHI CHÚ
1	Tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá các TTHC, đẩy mạnh giải quyết và trả giải kết quả TTHC qua mạng, qua dịch vụ bưu chính công ích	Các phòng, chi cục trực thuộc có thủ tục hành chính	Văn phòng Sở	Thường xuyên	Các TTHC được cắt giảm, đơn giản hoá	
2	Lãnh đạo Sở tăng cường đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp; tổ chức các hội nghị đối thoại để tháo gỡ, giải quyết kịp thời, dứt điểm các tồn đọng, khó khăn, vướng mắc, bức xúc của các doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành	Văn phòng Sở; Phòng KHTC; Thanh tra Sở	Các phòng, đơn vị liên quan	Quý II/2024 và Quý IV/2024	Các cuộc họp, hội nghị và ý kiến phản ánh của DN qua phiếu, điện thoại, Zalo,...	
3	Tiếp tục đẩy mạnh giải quyết tại chỗ tất cả các TTHC đơn giản, không có điều kiện (100% các TTHC này được giải quyết trước hạn)	Các phòng, chi cục trực thuộc có thủ tục hành chính	Văn phòng Sở	Thường xuyên	Kết quả giải quyết các TTHC đơn giản, không có điều kiện được giải quyết tại chỗ; 100% TTHC được giải quyết trước hạn	
4	Tiếp tục rà soát, niêm yết ngắn gọn, khoa học 100% các TTHC tại một cửa, Website, bổ sung mã QR Code để truy cứu và Quyết định giao rõ người giải quyết TTHC	Các phòng, chi cục trực thuộc có thủ tục hành chính	Văn phòng Sở	Thường xuyên	100% TTHC có mã QR Code; Quyết định phân công cán bộ giải quyết TTHC	
5	Các phòng, ban, đơn vị tổ chức quán triệt, triển khai Kế hoạch này	Các phòng, chi cục trực thuộc có thủ tục hành chính	Phòng KHTC	Tháng 2	Hội nghị	

6	Công khai các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, định hướng phát triển, các cơ chế chính sách, đề án hỗ trợ, các gói thầu, ... lên Website, Page facebook, Zalo và thiết lập kênh tiếp nhận các thông tin tương tác, phản hồi, kiến nghị, khiếu nại trên trang Page facebook, Zalo.	Các phòng, chi cục trực thuộc có thủ tục hành chính	Văn phòng Sở	Thường xuyên	100% các văn bản mang tính chất công khai được đưa lên Website, Page facebook, nhóm Zalo
7	Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, đề án hỗ trợ sản xuất đảm bảo kịp thời, rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu đúng chế độ	Các phòng, đơn vị HCSN trực thuộc chủ trì triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, đề án, chứng trình	Phòng KHTC	Thường xuyên	Văn bản triển khai
8	Thực hiện khảo sát sự hài lòng của các tổ chức, cá nhân có thực hiện TTHC và có liên hệ công tác với Sở trong thời gian từ tháng 7/2023 đến 30/7/2024 (<i>phiếu khảo sát, điện thoại, Zalo, ...</i>).	Phòng KHTC Văn phòng Sở	Các phòng, chi cục trực thuộc có thủ tục hành chính	Tháng 7	100% các tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC và liên hệ công tác từ tháng 7/2023 đến tháng 7/2024 được khảo sát
9	Tiếp tục xem xét, cắt giảm các cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh và giảm thiểu thời gian, nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra để tránh gây cản trở đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp.	Thanh tra Sở và các chi cục trực thuộc	Phòng KHTC	Thường xuyên	Cắt giảm các cuộc thanh tra, kiểm tra và thời gian thực hiện thanh tra, kiểm tra
10	Tiếp tục duy trì hỗ trợ doanh nghiệp, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng các hồ sơ, TTHC để người dân, doanh nghiệp chủ động thực hiện được.	Các phòng, chi cục trực thuộc có thủ tục hành chính	Văn phòng Sở	Thường xuyên	Duy trì hiệu quả tổ hỗ trợ doanh nghiệp

11	Việc lựa chọn doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh tham gia thực hiện các cơ chế chính sách, đề án, dự án phải đảm bảo khách quan, công bằng, đúng đối tượng, không ưu ái, phân biệt đối với các đối tượng tham gia.	Các đơn vị HCSN trực thuộc	Phòng KHTC	Thường xuyên	Quyết định lựa chọn đơn vị, cá nhân tham gia công bằng, đúng đối tượng	
12	Khi có đề xuất, kiến nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, các phòng, ban, đơn vị được giao nhiệm vụ cần khẩn trương nghiên cứu, xem xét, phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết kịp thời thấu đáo trong thời hạn không quá 3 ngày làm việc, đối với những nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều đơn vị khác thì được phép kéo dài hơn, nhưng không quá 10 ngày làm việc	Các phòng, ban, đơn vị HCSN trực thuộc	Văn phòng Sở	Thường xuyên	Văn bản trả lời	
13	Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng và nâng cao ý thức, kỷ luật, kỷ cương, thái độ phục vụ, đồng hành cùng doanh nghiệp trong khi thực thi hành công vụ; xử lý nghiêm và thực hiện luân chuyển các cán bộ, công chức có thái độ, hành vi gây khó khăn, sách nhiễu, tiêu cực khi thực hiện giải quyết TTHC.	Các phòng, ban, đơn vị trực HCSN thuộc	Văn phòng Sở, Phòng TCCB	Thường xuyên		
14	Đưa nhiệm vụ cải thiện, nâng cao chỉ số DDCI vào tiêu chí để bình xét thi đua, khen thưởng, xếp loại cán bộ, công chức hằng năm và xem xét quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ.	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc	Phòng TCCB	Hằng năm		